TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 9 – 2023
"V/v: Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Y Đo Niê

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2023 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Buôn M, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Trương Thị L, sinh năm 1963. Địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà H, ông Lê Văn T, bà Trương Thị L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; Ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà H trình bày:*

Bà H và ông L kết hôn 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Hôn nhân giữa bà H và ông L là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, lối sống, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Hiện tại tình cảm giữa bà H và ông L không còn, nên bà H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà Hvà ông L được ly hôn với nhau để ổn định cuộc sống, làm ăn, nuôi dạy con cái.

Bà H và ông L có 01 con chung tên là L1, sinh ngày 20/7/2017, hiện tại con đang sống chung với bà H. Vì con còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi của người mẹ nên bà H xin nhận quyền nuôi con đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.*

** Người làm chứng ông Lê Văn T và bà Trương Thị L trình bày:* Hôn giữa bà H và ông L là hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn theo đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên là do vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau.

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà H, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại buôn M, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn giữa bà H và ông L vào ngày 19/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mặt khác bà H và ông L đã không còn sống chung với nhau một thời gian dài, nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ để chấp nhận nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà H được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Bà H và ông L có một con chung là L1, sinh ngày 20/7/2017, hiện nay con đang sống cùng với mẹ, do con đang còn nhỏ và từ nhỏ đến nay bà H là gười trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà H được ly hôn với ông L.

2. Về con chung: Giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con L1, sinh ngày 20/7/2017 đến khi đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình cho nguyên đơn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Đức Hợi